

THẦN PHẢ

THÔN ĐÀO XÁ XÃ ĐÔNG LỖ HUYỆN ỨNG HOÀ

TỈNH HÀ TÂY

Lời nói đầu

Chùa thờ phật, đình miếu thờ Thánh thờ Thần. Từ rất xa xưa, các sinh hoạt văn hoá truyền thống của dân ta đã gắn liền với mái chùa sân đình. Vì thế, cây đa bóng nước sân đình đã thành hình ảnh thân quen in đậm trong tâm khảm mỗi người từ thuở ấu thơ.

Còn chưa biết các tiền bối của Đào Xá đã định cư lập ấp trên mảnh đất mà nay các thế hệ hậu sinh chúng ta đang sống, khởi thủy từ bao giờ và mái đình Đào Xá sơ khai được kiến tạo ra sao, vào thời đại nào. Nhưng như các vị cao niên trong làng còn được nghe kể lại và cho biết; thì vào thập kỷ cuối của thế kỷ 19, dưới thời vương triều nhà Nguyễn, khi ấy lũ lụt liên tiếp xảy ra, các tiền nhân của Đào Xá đã cùng nhau góp tiền góp của; tự vào Thanh Hoá mua gỗ, cửa thành khung đình rồi đóng bè và nhân lúc nước ngập lụt, kéo gỗ về tận làng; sau lại bằng bàn tay, tình xảo của nghề mộc truyền thống, 4 hiệp thợ làng¹ chia nhau công việc tạo dựng ngôi đình mới 7 gian; thờ Đức Thiên Thần Phù Đồng; mặt tiền hướng ra ngôi miếu đầu làng, nơi thờ Đức mẹ của thần. Hàng năm vào tiết Thượng nguyên, dân làng xa gần lại cùng nhau hội tụ, mở hội rước đức mẹ về đình phối tế với Thần.

Thế rồi trải qua những năm đầu của cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc. Mái đình Đào Xá thâm nghiêm đã là nơi che dấu an toàn cho cán bộ và các cuộc họp kín của tổ chức cấp trên về hoạt động gây dựng cơ sở chống giặc. Vì thế làng Đào Xá và đình Đào Xá trở thành mục tiêu huỷ diệt của giặc. Và thế là, bắt đầu từ sáng sớm ngày tết Đoan Ngọ năm 1952, trong cuộc hành quân càn quét lớn của giặc ở quy mô trên toàn huyện Ứng Hoà, cùng với toàn bộ nhà cửa của dân làng, đình Đào Xá đã bị giặc đặt mìn đánh sập và dùng chất cháy thiêu huỷ hoàn toàn. Từ đấy kéo dài trên 4 thập kỷ, đình chỉ còn là nền đất trơ trọi với ngôi vụn và cỏ dại. Nay trong lúc cả nước đang đổi mới, Đào Xá lại một lần nữa bằng tiền của, công đức của con em xa gần và cũng bằng chính bàn tay tài hoa của dân làng, đã xây dựng lại ngôi đình gồm 5 gian trên nền đất xưa. Đình đã xây xong, tượng Thần đã an tọa; có Thần tất phải có Ngọc phả. Trong lớp con em hậu sinh lập nghiệp xa quê, may mắn làm việc trong cơ quan lưu trữ và khai thác các di sản văn hoá thành văn của cha ông xưa, tôi đã tra tìm lại được Ngọc phả của Thần Thánh hoàng làng rồi sao lại và dịch ra Quốc ngữ; mong góp phần làm tôn nghiêm thêm mái đình và uy linh của Đức Thiên Thần mà từ xưa Đào Xá ta vẫn kính ngưỡng phụng thờ.

Hà Nội ngày 10 tháng 2 năm 1996

(22 tháng Chạp năm Ất Hợi).

Trần Văn Quyền.

Chuyên viên. Viện Nghiên cứu Hán Nôm
Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia.

(1). Bốn hiệp thợ làng tham gia xây dựng đình gồm 4 vị thợ cả là: 1. Đào Văn Chí (tức cụ Từ Trị), 2. Đào Văn Tỷ (tức cụ Từ Ly), Tạ Văn Tít (tức cụ Mục Hoạch) và vị thứ tư về sau chuyển định cư lên Bắc Giang nên dân làng không còn ai nhớ được họ tên.

THẦN PHẢ VỊ TÔN THẦN TRIỀU HÙNG VƯƠNG

CHÍNH BẢN CỦA BỘ LỄ

(Thuộc bộ Kiền, hạng Thượng đẳng thần)

Ngày xưa, vào thời Hùng Vương, ở hương Phù Đồng, huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc có một ông nhà giàu có họ Hàn, tên Cẩn, tự là Tranh; vợ họ Phạm, tên Tuệ. Hai vợ chồng tuổi đã cao mà chưa có con trai, thường vui làm điều thiện, cứu giúp người nghèo khổ. Được ông bà cứu mang, mọi vật được thoả sống, người người được yên vui. Rồi một đêm vào cuối canh ba, bỗng thấy có ngôi sao từ trên trời chiếu ánh hào quang xuống thẳng người bà vợ. Bà ôm ngay lấy nuốt vào bụng. Sau lại nằm mộng thấy rồng vàng, rồi có mang. Ngày mồng tám tháng tư năm Nhâm Dần, bà sinh ra một bé trai, dáng người cao lớn, mặt mày khôi ngô. Ông chồng biết là Thiên thần giáng sinh xuống trần thế, nên tự đặt tên hiệu cho con là Thiên Vương. Khi con được một tuổi thì người cha mất. Năm Thiên Vương đã ba tuổi mà tính tình tỏ ra rất kỳ lạ. Mẹ đùa hỏi Thiên Vương đều không nói. Ngài không cần học mà tự biết, chỉ nghe mà tự am hiểu lễ nghĩa kính nhường, tinh thông đủ khoa võ nghệ. Người trong hương ai nấy thấy đều thán phục, gọi Ngài là Thiên Vương giáng sinh.

Bấy giờ có giặc Ân tới xâm phạm đất nước ta. Vua được tin ấy, bèn sai sứ giả đi tìm người tài ra đánh giặc, đến hương Phù Đồng mời được Ngài về triều. Vua hỏi kế sách phá giặc, Ngài tâu rằng: Triều ta, trong một trăm lẻ hai năm qua, với sáu bảy vị vua hiền gây dựng nền nhân sâu xa, ơn ban rộng khắp, ân

đức đã thấm sâu vào máu thịt mọi người. Nay nước đã giàu, binh đã mạnh, uy thế bệ hạ vang lừng ra cả ngoài cõi, lại được lòng trời thương giúp, cho giáng trần nhiều vị thần tài giỏi. Thần đây nào phải như người thường. Xin vua hãy đức cho ngựa sắt để phá giặc. Thần xin đứng ra đảm nhiệm kén chọn tướng tài, dùng uy đức để thu phục họ. Vả dân ta đều là thần dân của bệ hạ cả, chứ đâu phải là người nước địch, nên chẳng có gì đáng lo ngại. Giặc Ân kia quá lắm chỉ mười ngày là phá được. Nhà vua nghe nói thì cả mừng, coi Ngài là người tài bậc nhất, bàn truyền cấp cho Ngài một vạn hùng binh, ba ngàn ngựa tốt để Ngài trở về đạo Kinh Bắc đánh giặc Ân.

Khi ngựa sắt đức xong mang tới, Ngài vươn vai thét vang một tiếng, thân hình bỗng trở thành cao lớn, bái nhận làm Tiên đạo Thượng tướng quân, cưỡi ngựa sắt về đạo Kinh Bắc. Đi được một ngày một đêm thì tới trại Giới Tế ở huyện Yên Phú (sau đổi là Yên Phong), phủ Từ Sơn. Dân trại này sống bằng nghề dệt, trại còn có tên là Rừng Manh. Ngài bèn hội quân đóng lại ở đây. Ngài xem xét địa thế trại Giới Tế, thấy nơi đây có sông núi bao quanh, rồng hổ ôm ấp; non không cao mà nhấp nhô san sát, nước hữu tình mà suối chảy đan xen, rõ là một thắng cảnh đẹp tươi. Ngài chọn một nơi địa thế tốt rồi đóng đồn ở phía trước, đằng sau là ngôi miếu thờ thần. Già trẻ địa phương thấy Ngài đến thì đều sợ hãi, cùng dắt nhau đến làm lễ, xin được làm gia thần. Ngài bằng lòng, bèn chọn trong các họ tộc ở trại lấy hơn hai chục trai tráng cho làm gia thần thuộc hạ ở lại giữ doanh trại và sau này theo Ngài đi dẹp giặc.

Ngày hôm sau, sứ giả mang chiếu thư đến, mệnh cho Ngài đi đánh dẹp giặc Ân ở Bắc đạo. Ngài sai giết trâu mổ lợn khao quân rồi trở về Phù Đổng bái từ mẹ già. Sau này có thơ vịnh rằng:

Hiếu nghĩa do lai giám tại thiên,
Nhất môn mẫu tử thế tương truyền.
Thị phi công luận chân lương sử,
Đáo xứ nhân tranh thuyết văn hiên.

Nghĩa là:

Hiếu nghĩa có trời chứng trên cao,

Mẹ con tình nghĩa đứt được đầu.

Dở hay tùy sử xanh bàn xét,

Dân gian khắp chốn vẫn truyền nhau.

Lại nói , ngày hôm ấy mở tiệc dâng mẹ xong, Ngài dẫn quân đến núi Ninh Sóc, đánh một trận lớn phá tan đồn giặc Ân, bắt được Chánh tướng và tì tướng của chúng, bọn còn lại vỡ tan hết, không biết chạy về đâu. Dẹp xong giặc, Ngài Gióng cười mây lên núi Sóc sơn rồi bay về trời. Đó là Ngài đã hoá. Dân chúng ở các trang trại và gia thần đều lấy làm kinh hãi, vội làm lễ vái và dâng biểu tâu về triều đình. Vua bèn sai người về làm lễ bái vọng. Tế lễ xong, ban sắc phong cho Ngài là **Phù Đổng Thiên Vương Thượng đẳng thần** để cùng hưởng phúc với đất nước và giữ đó làm định lệ mãi mãi. Vua lại chuẩn y cho dân chúng ở các phủ, đạo Kinh Bắc và thần tử ở các trang ấp được rước mỹ tự của Ngài về dựng miếu thờ phụng, lại ban cấp tiền bạc cho các đền miếu thờ Ngài mua ruộng đất, ao vườn để dùng cho việc cúng tế về sau. Đồng thời phong tặng cho Phu nhân Từ Tuệ là **Hiền triết Trinh thực Từ hoà Minh hướng Ý hạnh Tuyên huệ Chí đức Hoà dung Thành tích Đoan trang Hoàng Thái hậu**.

Đến niên hiệu Thái Bình, [nhà Tống] sai bọn tướng Hầu Nhân Bảo đem hai mươi vạn quân thuỷ bộ chia đường cùng tiến vào xâm lược nước ta. Bấy giờ vua Lê Đại Hành (tại vị năm 980-988) thân dẫn mười vạn quân tinh nhuệ ra chống giặc. Khi đại quân đi tới huyện Thanh Oai, phủ Ứng Hoà thì gặp quân giặc theo đường thuỷ tiến đến. Vua cho quân đóng lại ở bờ sông. Đến đêm hôm sau, vua vào ngủ trong ngôi đền để cầu xin thần trợ giúp đánh giặc, hứa đến khi giặc yên sẽ gia phong là Thượng đẳng thần. Thế rồi vua ra trận, quả nhiên quân Tống bị thua trận, tướng giặc là Nhân Bảo và Khuyết Kỳ đều bị giết chết, Lại bắt sống được viên đại tướng Biện Phụng Huân giải về Kinh.

Vua chiến thắng trở về, khao thưởng quân sĩ, nhân đó bảo: "Ta sớm dẹp yên được giặc Tống là nhờ có thần trợ giúp." Bèn gia phong cho bách thần, ra lệnh cấm khi hành lễ dùng lễ phục màu xanh và màu vàng. Phong cho thần là: **Thiên vương Trợ thuận Hộ quốc Dực thánh Hồng ân Lôi uy Tế trị Hưng vận Anh đoán Minh duệ Dương cách Tích hổ Phu hươu Tôn thần.**

Lại nói, từ đó về sau thần luôn tỏ ra linh thiêng, được nhiều vị vua các đời gia phong mỹ tự. Thời Trần Thái Tông, giặc Nguyên sang xâm lược, vây hãm Kinh thành nước ta. Trần quốc Tuấn vâng mệnh đến các đền miếu làm lễ cầu đảo bách thần. Sau đó cũng được Tôn thần hiển linh phù trợ. Sau khi dẹp tan giặc Ô Mã Nhi, vua Thái Tông bèn phong mỹ tự cho thần là **Dực thánh Tập thuận Linh ứng Anh triết Khải bình Cao minh Quảng bác Khoan hồng Ngưng hi Tích loại Khuông tộ Cường vũ Anh quả Phù chính Dực chân Linh cảm Thuần chính Thượng đẳng thần**; gia tặng cho Thái hậu là **Nhu tôn Tuy thành Nhạ khánh Trinh nhân Đoan tĩnh Thuần nhất Nhu thận Mục uyên Từ đức Ôn nhu Ý mỹ Trinh liệt Phu Nhân.**

Sau lại tới khi Lê Thái Tổ khởi nghĩa dẹp giặc Minh, diệt Liễu Thăng, khôi phục đất nước cũng gia phong mỹ tự cho Thần là **Phổ tế Cương nghị Hiên hựu Anh linh**, ban sắc chỉ cho trại Giới Tế trùng tu đền miếu để thờ phụng Ngài. Thực là phúc lớn vẻ vang thay.

Kính cần kê khai ngày sinh, ngày hoá của Thần và các ngày mở tiệc tế lễ: (Nghiêm cấm phạm các tên húy: "**Tĩnh Huệ, Xung Thiên Đồng Thiên Vương**"; cho phép trại Giới Tế thờ phụng)

❖ Ngày sinh: Chính lệ là ngày **mồng Tám tháng Tư**

(Nghi lễ: trên cúng cỗ chay, dưới cỗ thịt trâu, thịt lợn, xôi, rượu, bánh dày, hát xướng, đánh vật).

❖ Ngày hoá: Chính lệ là ngày **Mồng mười tháng Bảy**

(Nghi lễ: trên cúng cỗ chay, dưới cỗ lợn đen, xôi, rượu, bánh dày, bánh chưng).

❖ Lễ cầu phúc: ngày **Mồng mười tháng Giêng**

(Lễ dùng lợn đen, xôi, rượu, bánh dày)

❖ Lễ khánh hạ: ngày **Mồng bảy tháng Hai**

(Lễ giống như trên).

Ngày lành tháng Giêng năm Hồng Phúc thứ nhất (1572)

Quan Lễ bộ, Hàn lâm Đông các Đại Học sĩ Nguyễn Bính vâng mệnh soạn chính bản.

Ngày lành tháng Chín năm Vĩnh Hựu thứ sáu (1740) triều Lê

Quản giám Bách linh Tri điện Hùng Lĩnh Thiếu khanh Nguyễn Hiền sao lại theo bản chính.

Đã nhận Ông Trần Văn Quyền
là chuyên viên nghiên cứu
Viện nghiên cứu Hán Nôm
P. VIÊN TRƯỞNG

Tháng 2 năm 1996
Trần Văn Quyền

Dịch theo nguyên bản Hán văn lưu
trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm,
Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân
văn Quốc gia, ký hiệu VHv.1220.